TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.
Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô
Ông Đoàn Văn Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-DS ngày 06/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1980 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn V, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn V, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày*: Chị kết hôn với anh Đàm Văn H ngày 06/4/1998, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong

cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hòa thuận được để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 4/2023. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đàm Thị T, sinh năm 1999 và Đàm Văn N, sinh năm 2002. Hiện các cháu đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đàm Văn H trình bày: Chị S trình bày về thời gian kết hôn và quá trình mâu thuẫn là đúng. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị S.

Về con chung: Như chị S trình bày là đúng, nay các con đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị S, anh H đều vắng mặt, đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, các đương sự trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị S và anh H đều vắng mặt, đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị xét xử cho chị S được ly hôn anh H. Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Đàm Thị T, sinh năm 1999 và Đàm Văn N, sinh năm 2002. Hiện các cháu đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi, nay chị S, anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản: Chị S và anh H đều không đề nghị giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; chị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S khởi kiện xin ly hôn đối với anh Đàm Văn H, nơi cư trú: Thôn V, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Chị S xin được ly hôn anh H, không đề nghị giải quyết về con chung và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị S, anh H đều vắng mặt, đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên HĐXX áp dụng Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S kết hôn với anh Đàm Văn H ngày 06/4/1998, trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hòa thuận được để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 4/2023. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn cả chị S và anh H đều thiết tha xin được ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay cả chị S và anh H đều vắng mặt và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị S được ly hôn anh H. Xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị S và anh H sinh được hai con chung là Đàm Thị T, sinh ngày 06/4/1999 và Đàm Văn N, sinh ngày 28/10/2002. Hiện các cháu đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi, quá trình giải quyết vụ án cả chị S và anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả chị S và anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay cả chị S và anh H đều vắng mặt và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có sảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Đàm Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Đàm Văn H sinh được 2 con chung là Đàm Thị T, sinh ngày 06/4/1999 và Đàm Văn N, sinh ngày 28/10/2002. Hiện các con

đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi, chị S và anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000620 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND xã Y, Lạng Giang, Bắc Giang
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi